

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG CẨM THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
HỘ NGHÈO THUỘC DIỆN ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ I VÀ QUÝ II NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND phường Cẩm Thành

Số TT	Họ và tên hộ nghèo	Quý III					Quý IV					Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng số nhân khẩu của hộ	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ/tháng (đồng)	Tổng số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tổng số nhân khẩu của hộ	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ/tháng (đồng)	Tổng số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nguyễn Thị Phương	1	Tổ 01	64,000	3	192,000	1	Tổ 01	64,000	3	192,000	384,000
2	Nguyễn Thị Xuân Nương	3	Tổ 01	64,000	3	192,000	3	Tổ 01	64,000	3	192,000	384,000
3	Trịnh Thị Liễu	2	Tổ 01	64,000	3	192,000	2	Tổ 01	64,000	3	192,000	384,000
4	Bùi Liêm	5	Tổ 02	64,000	3	192,000	5	Tổ 02	64,000	3	192,000	384,000
5	Hồ Thị Diệu Tâm	3	Tổ 03	64,000	3	192,000	3	Tổ 03	64,000	3	192,000	384,000
6	Phạm Thị Hòa	2	Tổ 04	64,000	3	192,000	2	Tổ 04	64,000	3	192,000	384,000
7	Quách Thị Hồng	1	Tổ 05	64,000	3	192,000	1	Tổ 05	64,000	3	192,000	384,000

Số TT	Họ và tên hộ nghèo	Quý III					Quý IV					Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng số nhân khẩu của hộ	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ/tháng (đồng)	Tổng số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tổng số nhân khẩu của hộ	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ/tháng (đồng)	Tổng số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	
8	Đinh Thị Ngọc Ngan	2	Tổ 05	64,000	3	192,000	2	Tổ 05	64,000	3	192,000	384,000
9	Lê Thị Cửa	1	Tổ 05	64,000	3	192,000	1	Tổ 05	64,000	3	192,000	384,000
10	Vũ Thị Thuận	2	Tổ 05	64,000	3	192,000	2	Tổ 05	64,000	3	192,000	384,000
11	Nguyễn Thị Liên	2	Tổ 06	64,000	3	192,000	2	Tổ 06	64,000	3	192,000	384,000
12	Nguyễn Thị Tâm	3	Tổ 07	64,000	3	192,000	3	Tổ 07	64,000	3	192,000	384,000
13	Tạ Thị Duẩn	1	Tổ 07	64,000	3	192,000	1	Tổ 07	64,000	3	192,000	384,000
14	Tạ Ngọc Việt	4	Tổ 07	64,000	3	192,000	4	Tổ 07	64,000	3	192,000	384,000
15	Lê Thị Kim Loan	3	Tổ 07	64,000	3	192,000	3	Tổ 07	64,000	3	192,000	384,000
16	Đỗ Thị Tường Vi	4	Tổ 07	64,000	3	192,000	4	Tổ 07	64,000	3	192,000	384,000
17	Nguyễn Thị Tiến	3	Tổ 08	64,000	3	192,000	3	Tổ 08	64,000	3	192,000	384,000
18	Võ Thị Thu Trang	3	Tổ 08	64,000	3	192,000	3	Tổ 08	64,000	3	192,000	384,000

Số TT	Họ và tên hộ nghèo	Quý III					Quý IV					Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng số nhân khẩu của hộ	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ/tháng (đồng)	Tổng số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tổng số nhân khẩu của hộ	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ/tháng (đồng)	Tổng số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	
19	Huỳnh Thị Dưỡng	3	Tổ 14	64,000	3	192,000	3	Tổ 14	64,000	3	192,000	384,000
20	Lê Thị Diệt	1	Tổ 15	64,000	3	192,000	1	Tổ 15	64,000	3	192,000	384,000
21	Phạm Thị Lân	1	Tổ 16	64,000	3	192,000	1	Tổ 16	64,000	3	192,000	384,000
22	Lê Thị Xuân Mai	3	Tổ 12	64,000	3	192,000	3	Tổ 12	64,000	3	192,000	384,000
23	Lê Gia Thanh Tịnh	3	Tổ 13	64,000	3	192,000	3	Tổ 13	64,000	3	192,000	384,000
24	Nguyễn Phụng	3	Tổ 13	64,000	3	192,000	3	Tổ 13	64,000	3	192,000	384,000
25	Nguyễn Thị Doan	2	Tổ 11	64,000	3	192,000	2	Tổ 11	64,000	3	192,000	384,000
26	Trần Văn Hưng	3	Tổ 10	64,000	3	192,000	3	Tổ 10	64,000	3	192,000	384,000
27	Lê Thị Phương	3	Tổ 10	64,000	3	192,000	3	Tổ 10	64,000	3	192,000	384,000
28	Đổng Thị Sau	3	Tổ 20	64,000	3	192,000	3	Tổ 20	64,000	3	192,000	384,000
29	Vương Thị Kim Liên	1	Tổ 19	64,000	3	192,000	1	Tổ 19	64,000	3	192,000	384,000

Số TT	Họ và tên hộ nghèo	Quý III					Quý IV					Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng số nhân khẩu của hộ	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ/tháng (đồng)	Tổng số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tổng số nhân khẩu của hộ	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ/tháng (đồng)	Tổng số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	
30	Nguyễn Lai	2	Tổ 18	64,000	3	192,000	2	Tổ 18	64,000	3	192,000	384,000
31	Hoàng Thị Thanh Thủy	3	Tổ 22	64,000	3	192,000	3	Tổ 22	64,000	3	192,000	384,000
32	Lê Thị Nở	2	Tổ 23	64,000	3	192,000	2	Tổ 23	64,000	3	192,000	384,000
33	Lê Thị Hương	1	Tổ 25	64,000	3	192,000	1	Tổ 25	64,000	3	192,000	384,000
	Tổng cộng: 33 hộ	79				6.336,000					6.336,000	12.672,000